

THÔNG BÁO

Danh sách thí sinh trúng tuyển và hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức huyện Krông Bông

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV, ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-UBND, ngày 25/9/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển tại kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Krông Bông năm 2020;

Ủy ban nhân dân huyện Krông Bông thông báo:

1. Danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức huyện Krông Bông năm 2020 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện Krông Bông (địa chỉ: www.krongbong.daklak.gov.vn) và được niêm yết tại trụ sở làm việc của UBND huyện, Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp giáo dục của huyện.

2. Thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức huyện Krông Bông năm 2020 thực hiện hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển trước ngày **08/10/2020**, cụ thể:

- Thực hiện việc đối chiếu bản gốc, bản chính so với các loại giấy tờ công chứng gửi theo hồ sơ đăng ký tuyển dụng: Bằng tốt nghiệp THPT, Bằng cấp chuyên môn đối với vị trí đăng ký tuyển dụng, Chứng chỉ ngoại ngữ, Tin học, Giấy xác nhận ưu tiên (nếu có),...; Cung cấp Sổ bảo hiểm xã hội, Quyết định lương gần nhất, Chứng chỉ Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp (photo công chứng, nếu có).

- Địa điểm hoàn thiện hồ sơ: Tại trụ sở Phòng Nội vụ huyện Krông Bông (TDP 4, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk)

3. Thời gian, địa điểm nhận Quyết định tuyển dụng:

- Thời gian: Từ ngày **19 – 20/10/2020**.

- Địa điểm: Tại trụ sở UBND huyện Krông Bông (TDP 3, thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk)

Trên đây là Thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển và hoàn thiện hồ sơ đối với thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức huyện Krông Bông năm 2020./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Đài TT-TH huyện;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- BBT Website huyện;
- Lưu: VT, NV. *Carl*

} Báo cáo

CHỦ TỊCH



Lê Văn Long

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN KHÔNG BÔNG NĂM 2020

(GIÁO VIÊN BẠC MÀM NON HẠNG IV)

(Kèm theo Quyết định số 600.../QĐ - SNV, ngày 15/9/2020 của Sở Nội vụ)

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
1	Trương Thị	Nờ	07/06/1994	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	91.0	91.0	
2	Hoàng Thị	Án	21/06/1992	Tày	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Mầm non	A	Tiếng anh A2	DTTS	5	84.0	89.0	
3	Đặng Thị	Ánh	23/02/1990	Dao	Krông Bông, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Mầm non	A	Tiếng anh B	DTTS	5	84.0	89.0	
4	Bùi Thu	Ngọc	10/06/1995	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Mầm non	A	Tiếng anh A2	Không	0	87.5	87.5	
5	Nguyễn Anh	Thư	18/11/1996	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	87.0	87.0	
6	H'	Bluk Kpor	24/04/1997	Ê Đê	Krông Bông, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Mầm non	A	Tiếng anh A	DTTS	5	81.0	86.0	
7	Triệu Thị Thu	Hoài	13/07/1997	Tày	Krông Bông, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	DTTS	5	81.0	86.0	
8	Ngân Thu	Hương	23/02/1992	Tày	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	DTTS	5	81.0	86.0	
9	Tạ Thị	Luân	02/01/1993	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Mầm non	A	Tiếng anh A	Không	0	86.0	86.0	
10	Mai Thị	Sương	13/04/1998	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	86.0	86.0	
11	Trần Thị	Thúy	11/09/1993	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	86.0	86.0	
12	Vương Thị	Hồng	04/04/1992	H Mông	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	DTTS	5	80.5	85.5	
13	Nguyễn Thị Gia	Ly	28/05/1998	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.5	85.5	
14	Phạm Thị	Ngát	16/12/1989	Kinh	Krông Pắc, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh A	Không	0	85.5	85.5	

44

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
15	Huỳnh Thị Kim	Phượng	14/02/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.5	85.5	
16	Đặng Thị Mỹ	Duyên	01/12/1997	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
17	Phan Thị Hồng	Hạnh	06/03/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
18	Nguyễn Thị Kim	Kiều	04/06/1997	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
19	Trần Thị Kim	Loan	10/04/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
20	Huỳnh Thị	Ngoan	30/03/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Sơ cấp nghề	Tiếng anh B1	Không	0	85.0	85.0	
21	Phạm Thị Nhật	Lệ	09/06/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	B	Tiếng Anh B	Không	0	84.0	84.0	
22	Phạm Thị	Nhanh	10/01/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	A	Tiếng anh A	Không	0	84.0	84.0	
23	Nguyễn Thị Kiêm	Quyên	10/10/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	A	Tiếng anh A2	Không	0	84.0	84.0	
24	Lương Thị Như	Thúy	21/01/1997	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	84.0	84.0	
25	Vũ Thị Thùy	Trang	19/05/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B1	Không	0	84.0	84.0	
26	Huỳnh Thị	Viễn	10/06/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	84.0	84.0	
27	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/08/1996	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	83.5	83.5	
28	H'	Ngen Miô	14/04/1992	M Nôg	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh A2	DTTS	5	78.5	83.5	
29	Hoàng Thị Anh	Thị	02/08/1991	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	A	Tiếng anh A2	Không	0	83.0	83.0	
30	Hoàng Thị Thúy	Hằng	15/06/1988	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	82.5	82.5	
31	Trương Thị	Hòa	04/09/1997	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	82.5	82.5	
32	H'	Lach Dráo	30/05/1994	Ê Đê	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	A	Tiếng anh B	DTTS	5	77.5	82.5	
33	Phan Thị	Hiền	16/04/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	82.0	82.0	

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Họ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
34	Phan Thị Mai	Nữ	18/02/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	81.5	81.5	
35	Võ Thị Vân	Anh	29/02/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	81.0	81.0	
36	Lê Thị Bích	Phượng	29/02/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh C	Không	0	81.0	81.0	
37	Nguyễn Minh	Thư	18/11/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	81.0	81.0	
38	Cao Thị Thanh	Vân	03/04/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Con TB	5	76.0	81.0	
39	Nguyễn Thị	Duyên	29/12/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	
40	Lê Thị Thanh	Hoa	16/02/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	
41	H'	Thoại Éban	04/04/1994	Ê Đê	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	A	Tiếng anh A	DTTS	5	75.0	80.0	
42	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	09/07/1989	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	
43	Võ Thị Thúy	Hằng	30/12/1990	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	A	Tiếng anh B	Không	0	79.0	79.0	
44	Võ Thị	Lợi	25/07/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	79.0	79.0	
45	Trương Thị Mỹ	Thắng	01/05/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	79.0	79.0	
46	Huỳnh Thị Hà	Thu	05/09/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	79.0	79.0	
47	Nguyễn Thị	Hoa	20/10/1998	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	78.5	78.5	
48	Du H'	Tâm	10/05/1995	M Nông	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	DTTS	5	73.5	78.5	
49	H'Long Thị Bích	Phượng	01/07/1995	Ê Đê	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	DTTS	5	73.0	78.0	
50	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05/05/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	B	Tiếng anh B1	Không	0	77.5	77.5	
51	Hồng Thị Thanh	Bình	14/04/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh A2	Không	0	77.0	77.0	
52	Trần Thị	Nhân	06/02/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	76.5	76.5	

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
53	Dương Thị Mỹ	Thảo	01/05/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	A	Tiếng anh A2	Không	0	76.5	76.5	
54	Lương Thị	Thôi	10/10/1995	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	76.5	76.5	
55	Trần Thu	Hằng	08/07/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	76.0	76.0	
56	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	27/02/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	76.0	76.0	
57	Trần Thị Thanh	Hường	22/08/1997	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	76.0	76.0	
58	Lương Thị Bích	Lan	17/08/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	76.0	76.0	
59	Hồ Thị	Thùy	22/10/1995	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	76.0	76.0	
60	Mai Thanh	Thùy	27/07/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	76.0	76.0	
61	Nguyễn Thị Tuyết	Giang	03/01/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh A	Không	0	75.5	75.5	
62	Trần Thị Tuyết	Hòa	15/11/1990	Kinh	Krông Năng, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	75.5	75.5	
63	Trần Giang Khánh	Linh	15/01/1999	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	75.5	75.5	
64	Dương Thị Thanh	Nga	10/08/1984	Kinh	Cư Kuin, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	75.5	75.5	
65	H	Hà Adrong	05/05/1980	Ê Đê	Krông Pắc, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	A	Tiếng anh A2	DTTS/Con TB	5	70.0	75.0	
66	Bùi Thu	Hạnh	01/12/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	A	Tiếng anh B	Không	0	75.0	75.0	
67	Phan Thị Thanh	Hương	26/06/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	B	Tiếng anh B1	Không	0	75.0	75.0	
68	Nguyễn Thị	Thu	01/12/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	75.0	75.0	
69	Nguyễn Thị	Thùy	07/10/1994	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	75.0	75.0	
70	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	09/04/1989	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	74.5	74.5	
71	Nguyễn Thị	Lan	05/08/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	74.0	74.0	

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Họ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
72	Lê Thị Ánh	Nguyệt	09/04/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	74.0	74.0	
73	Đinh Thị	Trang	10/12/1995	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	74.0	74.0	
74	Nguyễn Thị	Mơ	06/06/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh A2	Không	0	71.5	71.5	
75	Đinh Thị	Giang	04/12/1994	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	71.0	71.0	
76	Lương Thị Huệ	Chi	03/11/1996	Kinh	Cư Kuin, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	70.0	70.0	
77	Nguyễn Thị Phương	Hiền	02/03/1998	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	70.0	70.0	
78	H'	LyDi Niê Kdăm	27/07/1997	Ê Đê	Cư Mgar, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B1	DTTS	5	65.0	70.0	
79	Trần Thị Ái	Nga	31/03/1998	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	70.0	70.0	
80	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/02/1996	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	70.0	70.0	
81	Vũ Thị	Thương	01/03/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Mầm non	B	Tiếng anh B	Không	0	70.0	70.0	
82	Nguyễn Thị Thu	Huyền	20/03/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh C	Không	0	69.0	69.0	
83	Ngô Phan Thanh	Xuân	20/12/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	69.0	69.0	
84	H'	Phon Niê	08/08/1998	M Nóng	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Mầm non	Cơ bản	Tiếng anh B	DTTS	5	64.0	69.0	✓

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN KHÔNG BÔNG NĂM 2020**

(GIÁO VIÊN BẬC TIỂU HỌC HẠNG IV)

(Kèm theo Quyết định số 6000../QĐ - SNV ngày 25/9/2020 của Sở Nội vụ)

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
GIÁO VIÊN ĐÚNG LỚP TIỂU HỌC														
1	Trần Khánh	Linh	25/08/1996	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	96	96.0	
2	Nguyễn Lê	Bình	05/03/1997	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	94	94.0	
3	H	Ôn Ksor	14/03/1990	Ê đê	Buôn Hồ, Đăk Lăk	Đại học	SP Tiểu học	A	Tiếng anh B	DTTS	5	86	91.0	
4	Trần Thị Lệ	Quỳnh	10/10/1995	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	91	91.0	
5	Nguyễn Thị Bích	Đào	30/11/1988	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	90	90.0	
6	Trần Thị Ngọc	Huyền	26/04/1994	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	89	89.0	
7	Trương Thị Miên	Thảo	20/11/1993	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	87	87.0	
8	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/08/1996	Kinh	Krông Păk, Đăk Lăk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	86.5	86.5	
9	Nguyễn Thị	Hạnh	19/04/1998	Kinh	Ea H'leo, Đăk Lăk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	86	86.0	
10	Hà Thị Việt	Trình	27/08/1997	Thái	Lăk, Đăk Lăk	Trung cấp	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	DTTS	5	81	86.0	
11	Lê Thị Mai	Anh	27/01/1995	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	85.5	85.5	
12	H	Ba Bo Ly Kpor	01/09/1997	Ê đê	Krông Bông, Đăk Lăk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	DTTS	5	80	85.0	
13	Trần Thị	Hương	01/06/1998	Kinh	Lăk, Đăk Lăk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85	85.0	
14	Mai Thị Ngọc	Liên	16/11/1994	Kinh	Cư Kuin, Đăk Lăk	Cao đẳng	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	85	85.0	

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Họ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
15	Nguyễn Thị	Tâm	21/02/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	85	85.0	
16	Hoàng Ngọc	Tân	16/04/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Con Thương	5	80	85.0	
17	Đỗ Thị	Tuyết	01/08/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Con người	5	80	85.0	
18	Trần Anh	Tuấn	11/10/1988	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	A	Tiếng anh B	Không	0	84.5	84.5	
19	Phạm Duy	Thắng	18/11/1995	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	83.5	83.5	
20	Trần Thị	Hà	15/12/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	82.5	82.5	
21	Nguyễn Thị Minh	Mạnh	12/02/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	A	Tiếng anh B	Không	0	82.5	82.5	
22	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	20/12/1992	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	82.5	82.5	
23	Trần Thị Hương	Trinh	21/03/1995	Kinh	Cư Mgar, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	82.5	82.5	
24	Vũ Thị Kim	Chi	27/08/1997	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh A2	Không	0	82	82.0	
25	Mai Thị	Thịnh	07/06/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	82	82.0	
26	Đàm Thị Hồng	Nhung	26/05/1997	Tày	Đắk Glong, Đắk Nông	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh A2	DTTS	5	76.5	81.5	
27	Đoàn Thị Kiều	My	22/02/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	A	Tiếng anh B	Không	0	81	81.0	
28	Võ Thị Huỳnh	Trang	20/06/1993	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	81	81.0	
29	Nông Thị	Lánh	22/05/1992	Nùng	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh bậc 3	DTTS	5	75.5	80.5	
30	Hoàng Việt	Hùng	20/05/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	A	Tiếng anh B	Không	0	80	80.0	
31	Nguyễn Văn	Huy	20/08/1995	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	80	80.0	
32	Trần Thị	Khang	10/09/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	80	80.0	
33	Nguyễn Văn	Minh	10/12/1996	Kinh	Lắk, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Tiểu học	B	Tiếng anh A	Không	0	80	80.0	
34	Phạm Sơn	Trung	18/08/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	Cơ bản	Tiếng anh A2	Không	0	80	80.0	

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
35	Lê Đình	Vĩ	17/07/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	SP Tiểu học	A	Tiếng anh B	Không	0	80	80.0	
36	Nguyễn Thị Hoàng	Yên	05/10/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Tiểu học	A	Tiếng anh B	Không	0	80	80.0	
37	Nguyễn Quang	Phúc	20/02/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiểu học	B	Tiếng anh B	Không	0	79	79.0	

GIÁO VIÊN TIẾNG ANH

1	Trần Thị	Mận	07/09/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiếng anh	B	Tiếng pháp C	Không	0	86	86.0	
2	Trần Thị	Lánh	25/08/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiếng anh	Cơ bản	Tiếng pháp B	Không	0	84	84.0	
3	Trần Thị	Nguyệt	25/04/1995	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Tiếng anh	A	Tiếng pháp B	Không	0	82.5	82.5	
4	Mai Thành	Đạt	06/01/1997	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Tiếng anh	Cơ bản	Tiếng pháp B	Không	0	80	80.0	
5	Nguyễn Thân Thanh	Tuyền	20/04/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiếng anh	B	Tiếng pháp B	Không	0	80	80.0	

GIÁO VIÊN THỂ DỤC

1	Lăng Văn	Chinh	13/01/1994	Tày	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	GD thể chất	Cơ bản	Tiếng anh B	DTTS	5	80	85.0	
2	Lê Đức	Huy	07/11/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	GD thể chất	B	Tiếng anh B	Không	0	82.5	82.5	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN KHÔNG BÔNG NĂM 2020
(GIÁO VIÊN BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ HẠNG III VÀ GIÁO VIÊN DẠY NGHỀ)
(Kèm theo Quyết định số 600/QĐ-SNV, ngày 15/9/2020 của Sở Nội vụ)

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
GIÁO VIÊN TIN HỌC														
1	Trần Thị Mỹ	Hằng	12/05/1993	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Cao đẳng (NVSP)	Tin học	Cao đẳng	Tiếng anh B	Không	0	94.5	94.5	
2	Ngô Quang	Huy	26/04/1996	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học (NVSP)	Công nghệ thông tin	Đại học	Tiếng anh B1	Không	0	89.5	89.5	
3	Võ Thị Bích	Trâm	04/09/1994	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Cao đẳng (NVSP)	Tin học	Cao đẳng	Tiếng anh B	Không	0	87	87.0	
4	Huỳnh Quốc	Cảnh	01/02/1993	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Kỹ sư (NVSP)	Công nghệ thông tin	Đại học	Tiếng anh B	Không	0	84	84.0	
5	Phan Quang	Vinh	05/02/1994	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Tin học	Đại học	Tiếng anh B	Không	0	81.0	81.0	
6	Hồng Ngọc	Thái	13/04/1991	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học (NVSP)	Công nghệ thông tin	Đại học	Tiếng anh B	Không	0	80.5	80.5	
7	Võ Văn	Thành	08/08/1994	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Cao đẳng (NVSP)	Tin học ứng dụng	Cao đẳng	Tiếng anh B	Không	0	78.0	78.0	
GIÁO VIÊN TOÁN														
1	Phan Đình	Mạnh	06/12/1992	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Toán	B	TOEIC	Không	0	88.0	88.0	
2	Nguyễn Xuân	Tuấn	08/06/1989	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Toán	A	Tiếng anh B	Không	0	87.5	87.5	
3	Lưu Thị	Hiền	16/07/1994	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Toán	B	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
4	Nguyễn Thị Châu	Thảo	01/03/1997	Kinh	BMT, Đăk Lăk	Cao đẳng	SP Toán	Cơ bản	Tiếng anh A2	Không	0	85.0	85.0	
5	Nguyễn Hữu	Truyền	10/12/1992	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Toán	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	83.0	83.0	

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Họ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
6	Nguyễn Thị Doãn	Ly	18/07/1992	Kinh	Núi Thành, Quảng Nam	Đại học	SP Toán	B	Tiếng anh B	Không	0	81.0	81.0	
7	Trần Thị Hà	Giang	26/03/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Toán	B	Tiếng anh B	Không	0	80.5	80.5	
8	Nguyễn Mai	Yên	12/03/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Toán	B	Tiếng anh B1 Châu	Không	0	80.0	80.0	
9	Trần Thị	Yến	16/05/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Toán	A	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	

GIÁO VIÊN VẬT LÝ

1	Trương Văn	Truyền	26/01/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Vật lý	B	Tiếng anh B	Không	0	85.5	85.5	
2	Hoàng Thị Việt	Hà	21/04/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học (NVSP)	Vật lý	A	Tiếng anh B1	Không	0	85.0	85.0	Thạc sỹ
3	Thiều Thị	Diệu	15/06/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Vật lý	B	Tiếng anh B	Không	0	84.5	84.5	Thạc sỹ

GIÁO VIÊN HÓA HỌC

1	Nguyễn Thị	Kiều	03/06/1989	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học (NVSP)	Hóa học	A	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
2	Vũ Thị	Liên	06/08/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Hóa học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	
3	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/08/1990	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Hóa học	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	
4	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/11/1989	Kinh	Cư Kuin, Đắk Lắk	Đại học	SP Hóa học	B	Tiếng anh B	Không	0	72.0	72.0	

GIÁO VIÊN TIẾNG ANH

1	Nguyễn Thị Y	Bình	22/07/1995	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng (NVSP)	Tiếng anh	B	Tiếng pháp B	Không	0	95.5	95.5	
2	Nguyễn Diệu	Quý	12/10/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng (NVSP)	Tiếng Anh	Cơ bản	Tiếng Pháp A2	Không	0	94.0	94.0	
3	Lê Thị Kim	Nhi	04/08/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học (NVSP)	Tiếng anh	Cơ bản	Tiếng pháp B	Không	0	89.5	89.5	
4	Võ Thị Kiều	Vi	18/08/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiếng Anh	B	Tiếng Pháp B	Không	0	88.5	88.5	
5	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	15/08/1990	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học (NVSP)	Tiếng anh	B	Tiếng pháp B	Không	0	88	88.0	

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
6	Phạm Hữu Huyền	Trang	08/12/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng (NVSP)	Tiếng anh Thương mại - Du lịch	Cơ bản	Tiếng Pháp B	Không	0	88	88	
7	Đoàn Thị	Loan	22/10/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Tiếng Anh	B	Tiếng Pháp B	Không	0	85.0	85.0	
8	Võ Thị	Nữ	16/12/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học (NVSP)	Tiếng anh	A	Tiếng pháp B	Không	0	82	82.0	
9	Bùi Thị Diễm	Ly	16/03/1991	Kinh	Krông Pắc, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Tiếng Anh	B	Tiếng Pháp A	Không	0	61.5	61.5	

GIÁO VIÊN NGỮ VĂN

1	Lê Thị Ngọc	Ánh	14/04/1988	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học (NVSP)	Văn học	B	Tiếng anh B	Không	0	85.5	85.5	
2	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	01/06/1995	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	SP Ngữ văn	Cơ bản	Tiếng anh B1	Không	0	80.5	80.5	
3	Hồ Thị Phương	Oanh	10/10/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học (NVSP)	Ngữ Văn	B	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	

GIÁO VIÊN LỊCH SỬ

1	Nguyễn Thị	Hiền	09/09/1988	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Địa - Sử	A	Tiếng anh A	Không	0	80.5	80.5	
---	------------	------	------------	------	---------------------	----------	-------------	---	-------------	-------	---	------	------	--

GIÁO VIÊN ÂM NHẠC

1	Phạm Ngọc	Tiến	02/01/1985	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Âm nhạc	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	80.5	80.5	
2	Đỗ Thị Kim	Chung	25/12/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Âm nhạc	B	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	

GIÁO VIÊN THỂ DỤC

1	Nguyễn Văn	Tài	11/02/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Huấn luyện thể thao	A	Tiếng anh B	Không	0	84.0	84.0	
2	Nguyễn Huy	Biên	24/02/1990	Kinh	Cư Kuin, Đắk Lắk	Đại học	Giáo dục thể chất	B	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	

GIÁO VIÊN ĐỊA LÝ

1	Nguyễn Văn	Vũ	20/11/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	SP Địa lý	Cơ bản	Tiếng anh C	Không	0	75.5	75.5	uk
---	------------	----	------------	------	---------------------	----------	-----------	--------	-------------	-------	---	------	------	----

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỄN: GIÁO VIÊN DẠY NGHỀ 1														
1	Võ Anh	Tuấn	25/08/1986	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học (NVSP)	Kinh tế nông lâm	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỄN: GIÁO VIÊN DẠY NGHỀ 2														
1	Võ Nhật	Anh	31/03/1992	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học (NVSP)	Kinh tế nông nghiệp	B	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN KHÔNG BÔNG NĂM 2020
(NHÂN VIÊN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC)

(Kèm theo Quyết định số 600/QĐ-SNV, ngày 25/9/2020 của Sở Nội vụ)

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
NHÂN VIÊN KẾ TOÁN														
1	Bùi Văn	Quân	02/10/1986	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kế toán	B	Tiếng anh B	Con bệnh binh	5	86.5	91.5	
2	Trần Thị Thanh	Thủy	12/10/1990	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kế toán	A	Tiếng anh B	Không	0	90.0	90.0	
3	Lê Xuân	Anh	13/12/1988	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kế toán	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	87.5	87.5	
4	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	05/10/1994	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	Tài chính-Ngân hàng	Cơ bản	Tiếng anh C	Không	0	86.0	86.0	
5	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	11/11/1988	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kế toán	A	Tiếng anh B	Không	0	85.5	85.5	
6	Đặng Nguyễn Hồng	Án	03/02/1986	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kế toán	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
7	Hồ Anh	Đào	20/10/1982	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Kế toán	A	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
8	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	24/09/1998	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	Kế toán	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	84.5	84.5	
9	Bùi Văn	Lương	04/12/1982	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kế toán	B	Tiếng anh B	Không	0	81.0	81.0	
10	Phan Thị Trường	Na	23/06/1981	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kế toán	A	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	
NHÂN VIÊN Y TẾ														
1	Trần Thị	Học	10/08/1990	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Y Sĩ	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	88.5	88.5	
2	Trần Thị Ngọc	Vọng	05/12/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Điều dưỡng	B	Tiếng anh A2	Không	0	85.0	85.0	
3	Lê Thị Hạnh	Phúc	06/12/1992	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Y Sĩ	B	Tiếng anh B	Không	0	81.5	81.5	
4	Phạm Thị Thu	Ba	11/09/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Y Sĩ	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	80.5	80.5	

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
5	Đỗ Thị Kim	Thảo	12/07/1988	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Điều dưỡng	B	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	

NHÂN VIÊN VĂN THƯ

1	Mai Thị	Phi	20/08/1989	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Hành chính văn thư	Văn phòng	Tiếng anh B	Không	0	86.5	86.5	
2	Trần Thị	Nữ	13/02/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Hành chính văn thư	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	83.0	83.0	
3	Nguyễn Thị	Vân	28/11/1984	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Văn thư, QT CSDL	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	80.5	80.5	
4	Trần Thị Mỹ	Huyền	27/06/1990	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Hành chính văn thư	Cơ bản	Tiếng anh A	Không	0	80.0	80.0	
5	Phùng Yến	Nhi	02/10/1982	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Hành chính văn thư	Cơ bản	Tiếng anh A2	Không	0	80.0	80.0	
6	Lê Thị	Nhung	22/12/1986	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Quản trị văn phòng	KTV	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	

NHÂN VIÊN THƯ VIỆN

1	Lê Thị	Thúy	03/02/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	Thư viện- Thông tin	B	Tiếng anh B	Không	0	87.5	87.5	
2	Nguy Thị	Luyền	26/08/1988	Tày	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Thư viện	A	Tiếng anh B	DTTS	5	80.0	85.0	
3	Nguyễn Văn	Phúc	12/12/1993	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Thư viện- Thiết bị	Trung cấp	Tiếng anh B	Hoàn thành	2.5	80.0	82.5	
4	Nguyễn Thị Thuý	Dung	23/10/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Trung cấp	Thư viện- Thiết bị	KTV	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	

NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

1	Phan Thị Thuý	Hàng	03/07/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	Công nghệ thiết bị	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	90.0	90.0	
2	Nguyễn Thị	Huân	04/10/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	Công nghệ thiết bị	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	85.0	85.0	
3	Tiêu Viêt	Phú	26/09/1996	Kinh	Lắk, Đắk Lắk	Cao đẳng	Công nghệ thiết bị	B	Tiếng anh B	Không	0	84.5	84.5	
4	Ngô Thị Thanh	Hà	28/03/1989	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	Công nghệ thiết bị	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	80.0	80.0	
5	Đỗ Thị Thu	Hoà	07/07/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	Công nghệ thiết bị	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	59.0	59.0	

NHÂN VIÊN GIÁO VỤ

1	Đỗ Quốc	Tuấn	28/03/1982	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học (NVSP)	Khoa học Lịch sử	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	83.0	83.0	
---	---------	------	------------	------	---------------------	----------------	------------------	--------	-------------	-------	---	------	------	--

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
2	Y	Phi Byă	30/12/1989	Mnông	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học	SP Vật lý	Cơ bản	Tiếng anh B	DTTS	5	70.0	75.0	
NHÂN VIÊN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN														
1	Lê Thị	Thu	05/04/1987	Kinh	Krông Bông, Đăk Lăk	Đại học (NVSP)	Công nghệ thông tin	Cơ bản	Tiếng anh B	Không	0	73.5	73.5	đ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC HUYỆN KHÔNG BÔNG NĂM 2020
(VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHÁC CỦA HUYỆN)

(Kèm theo Quyết định số ..Đ.Đ.../QĐ - SNV, ngày 25./9/2020 của Sở Nội vụ)

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN: VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, DU LỊCH														
1	Dương Thị Minh	Trang	06/01/1991	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Quản lý văn hóa	B	Tiếng Anh B	Không	0	65.5	65.5	
SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN: TUYỂN TUYỂN LƯU ĐỘNG 1														
1	Nguyễn Tấn Hoàng	Điệp	27/08/1988	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Quản lý văn hóa	Cơ bản	Tiếng Anh B	Không	0	75	75	
SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN: THỂ DỤC THỂ THAO														
1	Nguyễn Ngọc	Hiếu	02/02/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Giáo dục thể chất	B	Tiếng Anh B	Không	0	78.5	78.5	
SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN: KẾ TOÁN														
1	Lữ Thục	Uyên	25/04/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kế toán	Kỹ thuật viên	Tiếng Anh C	Không	0	75	75	
ĐÀI TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH HUYỆN: KỸ THUẬT PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH														
1	Đỗ Quốc	Trình	25/08/1987	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Cao đẳng	Truyền thông đa phương tiện	Cơ bản	Tiếng Anh B	Không	0	57.5	57.5	
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT: BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẮNG 1														
1	Hồng Thanh	Lũy	11/07/1989	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Quản lý đất đai	Cơ bản	Tiếng Anh B	Không	0	97	97	
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT: QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC QUỸ ĐẤT														
1	Trần Anh	Tuấn	04/09/1979	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Quản lý đất đai	A	Tiếng Anh B	Không	0	89.5	89.5	

T.T	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
TRẠM KHUYẾN NÔNG: NÔNG LÂM														
1	Nguyễn Thùy	Vy	06/11/1981	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Trồng trọt	A	Tiếng Anh B	Không	0	87	87	
TRẠM KHUYẾN NÔNG: THỦY SẢN														
1	Bùi Nhật	Tuân	20/08/1982	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Nuôi trồng thủy sản	Cơ bản	Tiếng Anh B	Không		90	90	
VIỆN CHỨC HỘI CHỮ THẬP ĐỎ														
1	Nguyễn Duy	Hoàn	22/06/1996	Kinh	Krông Bông, Đắk Lắk	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Cơ bản	Tiếng Anh B1	Không		80	80	